

**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH  
NĂM 2022, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2023**

**PHẦN I  
BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022**

**I. Những thuận lợi, khó khăn:**

**1. Thuận lợi :**

- Công ty luôn luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An, các Sở ban ngành cấp Tỉnh, Thường vụ Huyện ủy, UBND huyện Tân Kỳ, sự đồng thuận tạo mọi điều kiện của 02 (hai) xã Tân Phú và Tân Long.

- Truyền thống đoàn kết, tự lực, tự cường, tinh thần sáng tạo, tự vươn lên của tập thể cán bộ công nhân và người lao động nhận khoán trên toàn Công ty.

- Tổ chức sản xuất tại Công ty có nề nếp, ổn định, có truyền thống, các định hướng phát triển đã có, tiếp tục phát huy vai trò làm chủ.

- Người lao động nhận khoán có ý thức sản xuất, đầu tư thâm canh.

**2. Khó khăn:**

- Giá cả thị trường các mặt hàng vật tư nông nghiệp, nhân công phục vụ cho sản xuất tăng cao, làm giảm khả năng đầu tư của một bộ phận khá lớn người lao động, chất lượng vườn cao su xuống thấp, sản phẩm mù tạt kém chất lượng do thời tiết mưa nhiều không thuận lợi cho người lao động sản xuất sao su. Đặc biệt, giá vật tư phân bón, xăng dầu trong năm 2022 tăng quá cao đã làm ảnh hưởng đến sự đầu tư của người lao động, đời sống của công nhân lao động gặp nhiều khó khăn.

- Chiến tranh Nga và Ukraina đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam, bên cạnh đó Trung Quốc thực hiện chính sách đóng cửa không giao thương hàng hóa xuất nhập khẩu dẫn đến khó khăn cho các doanh nghiệp và ảnh hưởng đến đời sống của công nhân lao động, nhất là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, như sản phẩm mù cao su thành phẩm.

- Thời tiết khí hậu bất thường một số loại cây trồng kém phát triển năng suất đạt thấp như cam, bưởi và một số cây trồng khác. Các vùng ao hồ Đức Thịnh, cây bưởi kinh doanh, cam quả giá cả thấp không ổn định, dịch tả lợn Châu Phi đã gây nhiều thiệt hại cho người sản xuất chăn nuôi và doanh nghiệp.

- Ý thức, tư tưởng đầu tư thâm canh cho cây trồng trong một bộ phận Cán bộ,

Đảng viên, CNLD có biểu hiện chứng lại do ảnh hưởng của giá cả vật tư đầu vào cho đầu tư sản xuất tăng cao.

- Một bộ phận Cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong quản lý điều hành ở từng bộ phận, đôi lúc còn có biểu hiện về tư tưởng không trong công tác, công nhân và người lao động nhận khoán đất sản xuất của đảng còn một số trường hợp làm trái với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ty, một bộ phận công nhân thiếu ý thức xây dựng đơn vị và Công ty nói chung với đường lối chủ trương của Đảng, Chính sách pháp luật của Nhà nước, làm Nội quy lao động, TULĐT, Cơ chế chính sách, Quy chế quản lý điều hành ty.

## II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2022

### 1. Đất đai và giao chi tiêu kế hoạch:

- Tổng diện tích : 2.119,18 ha

\* Trong đó:

- + Đất sản xuất nông nghiệp: 1.864,70 ha
- + Đất chuyên dùng: 111,49 ha
- + Đất lâm nghiệp: 142,99 ha

### Cơ cấu các loại cây trồng:

- \* Đất trồng cao su: 781,76 ha
- \* Đất trồng cây ăn quả: 95,16 ha
- \* Đất mía: 443 ha
- \* Đất trồng ngô: 137 ha
- \* Đất lúa: 91,23 ha
- \* Đất màu, luân canh, cỏ: 205,120 ha
- \* Đất ao hồ: 48,97 ha
- \* Đất khác (đất chưa hợp đồng, đất chưa sử dụng, xấu, sạt lở, lỏ 68,28 ha.

- Việc rà soát đất đai đưa vào sử dụng diện tích mới sau cổ phần hóa công nghiệp, là một bước nhằm thực hiện và cụ thể hóa các nội dung sau cổ phần (đưa đất vào sử dụng đúng theo số liệu đo đạc mới) để tiến tới việc thuê đất theo đúng định của Nhà nước.

- Việc giao chi tiêu kế hoạch theo số liệu mới hợp với tình hình vườn cây loại cây trồng và việc tổ chức sản xuất của Công ty được thực hiện kịp thời theo quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất.

### 2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2022 như sau

TT	Hạng mục	DVT	Sản lượng (tấn)	Giá trị	Tỷ lệ
11					Lợi

1	Mù cưa
2	Trồng
3	Mía c
4	Mía t
5	Cam
6	Quýt
7	Bưởi
8	Lúa
9	Ngô
10	Luân
11	Cá t
12	Sản N.P.
13	Dịch

### 3. Thực t

TT	
1	Vốn
2	Tồn
3	Tồn
4	Tồn
5	Tổng
6	Lợi
7	Lợi
8	Quỹ
9	Quỹ
10	Tr
11	Lợi



			KH	TH	(triệu đồng)	%	chú
1	Mủ cao su (côm)	Tấn	450	340	9.520,000	75,5	
2	Trồng mới cao su	Ha	51,7	0		0	
3	Mía cây	Tấn	27.500	31.500	34.650,000	100,14	
4	Mía trồng mới	Ha	185,68	246,0	-	100,32	
5	Cam quả	Tấn	673,8	6,654	66,540.000	0,98	
6	Quýt quả	Tấn	206,70	8,208	32,832.000	39,7	
7	Bưởi	Tấn	332,55	5,706	57,060.000	17,1	
8	Lúa	Tấn	978,35	654,73	4.557,45	66,9	
9	Ngô	Tấn	1.505,80	1.284,51	9.248,72	85,3	
10	Luân canh (giá trị)	ha	205,20	219,93	3.993,9	100,7	
11	Cá thịt	Tấn	230,5	205	5.740,00	88,9	
12	Sản xuất phân bón N.P.K- 8.4.8	Tấn	563,47	179	1.611,000	31,7	
13	Dịch vụ vật tư NN	Tr.đồng			7.693,190		
	<b>Tổng</b>				<b>77.170,692</b>		

### 3. Thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	20.760	20.760	
2	Tổng số lao động	Người	27	27	
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	2.700,000	2.769,874	
4	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	55.451,910	41.007,799	
5	Tổng chi phí	Tr.đồng	54.970,706	40.927,093	
6	Lợi nhuận thực hiện	Đồng	481.024.000	80.705.720	
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	381.024.200	45.221.141	
8	Quỹ phúc lợi	Đồng		63.000.000	
9	Quỹ dự phòng tài chính	Đồng		20.685.000	
10	Trích lập quỹ phát triển sản xuất	Đồng		331.000.000	
11	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	Đồng	1,84 %	0,22%	

	(%)			
12	Lãi cơ bản cố tức	Đồng	199	22

- Vườn cam, quýt tập trung đưa vào kinh doanh nhưng hiệu quả thấp và chi phí đầu tư: 1.254.753.000 đồng (Trong đó: có 1,2 ha cam kinh doanh đã xin lý tháng 10/2022, chuyển sang trồng mía vụ 2022-2023)

- Đầu tư làm đường nguyên liệu theo dự án: đến nay đã hoàn thành 9% hoạch.

- Đầu tư tu sửa đường giao thông nội đồng: 171.548.500 đồng, chưa tính chữa tràn trung gian 80 triệu, chi phí sửa chữa các đội Lập Thắng, Hồ Thành, Lý, Minh Phúc khoảng 90 triệu đồng.

- Đầu tư vườn ươm giống cao su: 133.401.157 đồng ( năm 2021)

- Công tác dịch vụ vật tư phân bón các loại và thức ăn chăn nuôi: 7.693.190.000 đồng.

+ Đầu tư bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền sx chế biến mù cao su; băng tải xếp hàng phân bón, sản phẩm : 107.711.158 đồng.

+ Đầu tư xây dựng kho vật phân bón tại xưởng chế biến tổng giá trị: 1.136.536.538 đồng

#### 4. Kết quả sản xuất kinh doanh:

\* Tổng giá trị SP sản xuất trong năm đạt : 77.170.692.000 đồng

+ Trong đó:

- Doanh thu đạt: 41.007,799 triệu đồng

- Thực hiện nghĩa vụ ngân sách: 630.526.803 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 45.221.141/481.024.000 đồng

#### 5. Thực hiện nghĩa vụ, chế độ chính sách: BHXH

+ Tổng số lao động tham gia đóng BHXH: 559 lao động

- Thực hiện chế độ ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức số tiền: 620 triệu đồng

- Hoàn thành nghĩa vụ Bảo hiểm xã hội với số tiền là hơn 7.275 triệu đồng.

- Chính sách nhà nước hỗ trợ dịch Covid-19 trong năm 2021: tổng số lao động là 540 người, với số tiền hỗ trợ là: 1.648,125 triệu đồng,

- Tổ chức thi nâng bậc lương cho công nhân lao động: 114 người

- Tuyển dụng HĐLĐ: 23 người

- Tiền BHTN = 1% quỹ BHXH (từ 01/10/2021 - 30/6/2022 là: 234,951 triệu đồng.

- Tiền BHTNLĐ, BNN = 0,5% BHXH ( từ 01/7/2021- 30/6/2022 là : 118,4 triệu đồng.



**6. Thực hiện chính sách trợ cấp khó khăn, người có công, khuyến học, hiếu hỷ, hương khói:**

- Hiếu hỷ + hương khói: 25.000.000 đồng.
- Hỗ trợ vì người nghèo dịp tết nguyên đán năm 2022: 8.000.000 đồng,
- Quà thương binh, liệt sỹ: 13.900.000 đồng.
- Quà khuyến học, quà 1/6 và trung thu: 18.800.000 đồng

**7. Đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu nhiệm vụ trong năm 2022:**

- Một số chỉ tiêu trong năm giảm so với kế hoạch và không đạt hoặc đạt thấp. Như cây ăn quả có múi: cam, quýt, bưởi, lúa, màu sản lượng không đạt, giá cả thấp.

**8. Doanh thu giảm so với năm 2021:**

- Sản lượng mủ cao su V10 giảm 170 tấn so với năm 2021, giá cả thị trường mủ cao su giảm thấp so với năm 2021; Giá mía nguyên liệu tăng; Giá cả dịch vụ vật tư phân bón, xăng dầu tăng, do đó doanh thu không đạt.

**9. Nguyên nhân**

**a. Khách quan:**

- Do khí hậu thời tiết thay đổi bất thường làm cho một số loại cây trồng phát triển kém như: cây cam, quýt, bưởi và một số cây trồng khác, giá vật tư phân bón, giống dịch vụ, xăng dầu đầu vào cho sản xuất nông nghiệp ở mức tăng cao, dẫn đến việc đầu tư thâm canh tăng năng suất cây trồng bị hạn chế.

- Vườn cao su kinh doanh của Công ty quá trình đưa vào khai thác KD đã lâu và bị tác động nghiêm trọng của các cơn bão năm 2010 và 2017 đã làm gãy đổ, thiệt hại hơn 50% số cây nên chất lượng vườn cây còn lại kém hiệu quả, một số hộ sản xuất không mặn mà đầu tư, chăm sóc nên chất lượng vườn cây hạn chế, giá trị ngày càng thấp. Từ đó việc chăm sóc vườn cao su KD, KTCB, cũng như công tác tái canh trồng lại sau thanh lý gặp nhiều khó khăn. Do vậy, một số chỉ tiêu đề ra không đạt kế hoạch.

**b. Chủ quan:**

- Công tác lãnh đạo chỉ đạo của bộ máy quản lý trong năm chưa dành nhiều thời gian, chưa quan tâm đến công tác sản xuất ở một số thời điểm, một số việc, một số cá nhân chưa sâu sát, thiếu đôn đốc giám sát kiểm tra, chưa hết trách nhiệm từ Công ty đến đội. Nhất là công tác thu hồi công nợ đầu tư, nghĩa vụ.

- Một bộ phận công nhân lao động nhận khoán đang còn thiếu trách nhiệm xây dựng đơn vị và Công ty, không mặn mà đến đầu tư thâm canh, SXNN cũng góp phần không nhỏ đến kết quả SXKD của Công ty và thu nhập của người lao động.

**10. Những bài học kinh nghiệm:**

- Tranh thủ sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp, các ngành và chính quyền địa phương



- Nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy sức mạnh nội lực, tranh thủ cơ hội phục mọi khó khăn để vươn lên.
- Nêu cao tinh thần trách nhiệm của bộ máy quản lý, thực hiện tốt các quy định của nhà nước, các nội quy, quy chế quản lý điều hành Công ty để mọi người thực hiện.

## PHẦN II

### MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2023

#### I. Nhận định tình hình chung:

- Năm 2023 là năm tiếp tục khó khăn thời tiết khí hậu khó lường, chiến tranh giữa Nga và Ukraine tiếp tục làm ảnh hưởng đến việc làm và sự phát triển kinh tế nhiều Quốc gia, suy thoái kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam, giao thương, xuất nhập khẩu hàng hóa bị ngưng trệ. Dịch tả lợn châu phi...vv...

- Công ty đi vào hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối. Ngoài những thuận lợi cơ bản về tính độc lập, tự chủ và mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên Công ty không tránh khỏi nhiều khó khăn, thách thức trong việc thực hiện nhiệm vụ XSKD, phát huy vai trò quản điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của người cán bộ Đảng viên. Giữ vững mối quan hệ với các địa phương (xã Tân Phú Tân Long), làm tốt công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bảo vệ kỷ cương kỷ luật và các thành quả lao động sản xuất. Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị năm 2023.

#### II. Công tác quản lý:

1. Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-UBND, ngày 03/7/2020 của UBND thị trấn Nghệ An về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty CPNN Sông Con tại diện tích đất sản xuất kinh doanh là: 2.119,18 ha.

2. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, tổ chức của Công ty trên tinh thần gọn nhẹ, phát huy hiệu quả năng lực của từng bộ phận, phòng ban chuyên môn và đội ngũ lợi ích cuộc sống của CNLĐ và sự phát triển của Công ty.

3. Năm 2023 là năm thực hiện việc thu nộp tiền thuê đất cho Nhà nước theo quy định, căn cứ vào diện tích, hợp đồng giao khoán để thu tiền thuê đất.

4. Căn cứ vào đề án Cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ban chấp hành ủy đã có Nghị quyết và HĐQT Công ty giao trách nhiệm cho Ban giám đốc Công ty xây dựng phương án và quyết định thành lập ban chỉ đạo Dồn điền vùng lúa Đù Đính, Tân Lương, Nhất Đồng Suu, chuyên sang trồng mía.

#### III. Một số chỉ tiêu kế hoạch, đất đai, các loại cây trồng và tài chính

##### 1. Tổng DT: 2,119.18 ha

\* Trong đó : - Đất SXNN: 1.867,60 ha  
- Đất SX LN: 156,13 ha

TT	
1	

- Đất chuyên dùng: 111,49 ha

## 2. Cơ cấu các loại cây trồng:

- Cây cao su tổng số: 801,02 ha
- + Cao su KD: 625,24 ha; SL mù nước: 1.928,66 tấn
- + Cao su KTCB: 94,78 ha
- + Trồng mới cao su: 81 ha
- + Không thực hiện kế hoạch: 0 ha
- Cây ăn quả: 54,90 ha.

\* Trong đó: + Cây cam, quýt, bưởi kinh doanh = 54,90: năng suất sản lượng = 722,5 tấn

- Cây mía DT: 495,54ha; Sản lượng: 34.687,8 tấn

+ Mía trồng mới 2023 (Dự kiến kế hoạch 220 ha)

- Cây ngô DT: 119,84 ha 02 vụ = 1.415,04 tấn

- Cây lúa DT: 90,73 ha, Sản lượng 02 vụ = 1.296,47 tấn

- Diện tích đất luân canh + cỏ + đất cao su thanh lý năm 2021, năm 2022: 143,84 ha; tổng giá trị giao khoán nghĩa vụ luân canh: 276.001.050 đồng

- Ao hồ cá: 44,47ha; sản lượng cá: 205 tấn

- Đất khác (chưa sử dụng, đất xấu không SX được, sạt lở, lò gói): 68,28 ha

## 3. Tổng giá trị sản phẩm SX ra trong năm 2023

- Cao su mù SVR10: 400 tấn x 26.500.000 = 10,600 triệu đồng

- Mía 34.687,8 tấn x 10.5 = 36,412 triệu đồng

- Lương thực: 2.493,15 tấn x 65 = 16,054 triệu đồng

- Luân canh DT: 205,20 ha = 3.452,160.000 đồng

- Cá 205 tấn x 27.000/kg = 5,413.500.000 đồng

- Cây cam ăn quả : Cam , quýt, bưởi , sản lượng = 722,5 tấn x 8.000 đ = 5,780 triệu đồng

- Doanh thu khác + hoạt tài chính : 356.320.000 đồng.

- Thu, nộp tiền thuê đất cho nhà nước = 3,379.630.000 đồng

- Nộp thuế các loại: 600 triệu đồng

⇒ Tổng: 78.667.980.000 đồng

## 4. Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	20.760,000	20.760,000	20.760,000



2	Tổng số lao động	Người	27	27	27
3	Tổng quỹ lương	Tr. đồng	2.700,000	2.769,874	2.721,17
4	Tổng Doanh thu	Tr. đồng	55.451,910	41.007,799	51.593,5
5	Tổng chi phí	Tr. đồng	54.970,706	40.927,093	51.144,4
6	Lợi nhuận thực hiện	Đồng	481.024.000	80.705.720	449.464,4
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	384.819.200	45.221.140	359.571,2

#### 5. Một số giải pháp, tổ chức thực hiện của bộ máy quản lý năm 2023:

- Hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo phương án đã được UBND Tỉnh phê đồng thời xin cấp giấy CNQSDĐ của Công ty.
- Quyết định và thông báo thanh lý hợp đồng đất cây ngắn ngày, đất sản màu, lúa, ngô, ao hồ. Đồng thời xem xét cho việc tái ký hợp đồng mới theo quy định.
- Tiếp tục giao chi tiêu công tác thu hồi công nợ, nghĩa vụ, đầu tư, nợ vốn đến hạn.vvv.

- Thực hiện tốt đầu tư thâm canh tất cả các loại cây trồng như: cao su, cà phê, quả, mía, cây lương thực, ao hồ...theo đúng quy trình kinh tế - kỹ thuật, kiểm nghiệm thu các bước thực hiện quy trình của người lao động nhận khoán một lần đầy đủ để có cơ sở đánh giá việc thực hiện các nội dung hợp đồng giao nhận kinh tiếp theo.

- Thực hiện chế độ luân canh cải tạo đất cho tất cả các loại cây trồng để đảm bảo chế độ thâm canh được thuận lợi như: Cao su thanh lý cải tạo trồng cây mía từ 2-3 năm sau đó tái canh lại cây cao su, mía sau nhiệm kỳ 2-3 năm thì cải tạo một năm sau trồng lại mía (thu nghĩa vụ 60% sâu thặng đầu năm còn cuối năm không thu để cải tạo đưa vào trồng mía sớm), các loại cây trồng nói chung sau nhiệm kỳ kinh doanh cần được luân canh cải tạo đất một cách khoa học sau đó đưa vào nhiệm vụ mới theo quy hoạch, kế hoạch, đồng bộ hợp lý.

- Kiểm tra cho thanh lý vườn cao su kinh doanh cũng như KTCB và một số vườn cây ăn quả có múi không có hiệu quả hoặc hiệu quả kinh tế thấp sang luân canh cải tạo trồng mía một nhiệm kỳ, trồng cây hàng năm khác có hiệu quả hơn sau đó trồng mới lại theo quy hoạch và kế hoạch của Công ty.

- Cấp phối, tu bổ tất cả các tuyến đường trọng yếu và cần thiết để phục vụ sản xuất, xe cộ chở vật tư, phân bón, sản phẩm một cách thuận lợi.

- Tiếp tục đẩy mạnh mạng lưới cung ứng vật tư, phân bón, giống, KHKT chính sách phù hợp cho CNLD và các hộ nhận khoán đáp ứng nhu cầu sản xuất trong thời gian tới, làm tốt chức năng dịch vụ từ bộ phận, phòng ban Công ty đến độ xường.

- Đẩy mạnh công tác Dịch vụ thức ăn chăn nuôi cá vùng lòng hồ Đức Thận thuộc Công ty quản lý.



- Dầu tư chăm sóc vườn ươm giống cây cao su bầu tại Xưởng chế biến để phục vụ cho việc trồng mới năm 2023 là 50.000 cây bầu và các năm tiếp theo.

- Xây dựng kế hoạch làm đường nội đồng, dọn điền đất lúa chuyên sang trồng mía ở các đội Đức Thịnh, Tân Lương, Nhất đồng Suu, với số tiền dự kiến là: 1 tỷ đồng.

- Tìm kiếm thị trường đầu ra các loại sản phẩm và một số sản phẩm cây trồng mới để đưa vào sản xuất trên địa bàn Công ty nếu thấy có khả năng thực hiện.

=> Trên đây là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 được xây dựng để tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- Ban kiểm soát;
- Trưởng, Phó phòng ban;
- Các đơn vị Đội; Xưởng;
- Lưu VT.



*Trần Hồng Tiến*

**UBND TỈNH NGHỆ AN  
CÔNG TY CP NN SÔNG CON**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÓM TẮT  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỪ 01/01 ĐẾN 31/12/2022**

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU TẠI NGÀY 31/12/2021	SỐ LIỆU TẠI NGÀY 31/12/2022	GHI CHÚ
<b>A. TÀI SẢN</b>			
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	38,194,710,805	35,732,113,793	
<i>Trong đó:</i>			
Công nợ phải thu	19,010,916,250	15,738,157,899	Các khoản nợ đầu tư (trừ cao su), phí khoán, nợ ứng ...
- Công nợ khó đòi	230,993,893	1,086,023,898	Các khoản nợ từ rất lâu, một số đối tượng nợ hiện không rõ địa chỉ
- Dự phòng phải thu khó đòi	(230,993,893)	(658,923,898)	
<b>II. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			
I. Nguyên giá TSCĐ	9,458,079,311	9,629,851,618	
- Số đầu kỳ	13,645,633,569	16,026,593,709	
- Số tăng trong kỳ	2,410,767,140	0	
- Số giảm trong kỳ	29,807,000	0	
- Số cuối kỳ	16,026,593,709	16,026,593,709	
2. Hao mòn TSCĐ			
- Số đầu kỳ	(10,816,352,261)	(11,469,014,410)	
- Số tăng trong kỳ	(652,662,149)	(703,782,367)	
- Số giảm trong kỳ	0	0	
- Số cuối kỳ	(11,469,014,410)	(12,172,796,777)	
3. Các khoản phải thu dài hạn	4,389,063,396	4,271,783,646	
- Phải thu dài hạn khác	4,389,063,396	4,271,783,646	Các khoản đầu tư cao su
4. XDCh dở dang	300,341,996	1,409,826,056	Có Bảng chi tiết kèm theo
5. Tài sản dài hạn khác	211,094,620	211,094,620	
- Chi phí trả trước dài hạn	211,094,620	94,444,984	Có Bảng chi tiết kèm theo
<b>B. NGUỒN VỐN</b>			
I. NỢ PHẢI TRẢ	38,194,710,805	35,732,113,773	
<i>Trong đó:</i>			
1. Nợ ngắn hạn	14,321,205,988	11,875,451,790	Gồm phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế phải nộp, phải trả NLĐ, thù lợi phí NS cấp bù, KPCĐ.
- Nợ ngắn hạn	14,321,205,988	11,875,451,790	Nợ vốn 327 từ 1998 trở về trước
- Nợ dài hạn	2,411,975,000	2,411,975,000	
<b>II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
I. Vốn góp của chủ sở hữu	21,461,529,817	21,444,686,983	
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	20,760,000,000	20,760,000,000	
- Có phiếu phổ thông không có quyền biểu quyết	20,760,000,000	20,760,000,000	



	130,816,000	130,816,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		130,816,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	75,783,740	406,791,501
4. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	0	20,687,965
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	494,930,077	126,391,517

CHI

1. Tổng số lao động
2. Tổng quỹ lương
3. Tiền lương bình
4. Thù lao của HE
  - Thù lao của F
  - Thù lao của E

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	CỘNG
<b>C. KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
1. Tổng doanh thu thuần	59,977,215,249	41,007,799,229	
- Doanh thu hoạt động kinh doanh	59,453,944,802	40,614,583,597	
- Doanh thu hoạt động tài chính	250,223,883	224,747,832	
- Thu nhập khác	273,046,564	168,467,800	
2. Tổng chi phí	59,452,596,981	40,927,093,508	
- Chi phí hoạt động kinh doanh	59,421,482,414	40,697,510,115	
- Chi phí tài chính	0	132,866,213	
- Chi phí khác	31,114,567	96,717,180	
3. Tổng lợi nhuận thực hiện	524,618,268	80,705,721	
- Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	32,462,388	-82,926,518	
- Lợi nhuận hoạt động tài chính	250,223,883	91,881,619	
- Lợi nhuận hoạt động khác	241,931,997	71,750,620	
4. Thuế TNDN phải nộp	111,146,567	35,484,580	
5. Tổng lợi nhuận sau thuế	413,471,701	45,221,141	
6. Lợi nhuận chưa phân phối	413,471,701	45,221,141	

<b>D. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC</b>		
1. Số còn phải nộp đầu kỳ	174,201,219	394,653,344
2. Số phát sinh phải nộp trong kỳ	913,943,774	466,559,397
3. Số đã nộp trong kỳ	693,491,647	630,526,803
4. Số còn phải nộp cuối kỳ	394,653,344	230,685,938
<b>Chi tiết các khoản đã nộp ngân sách</b>		
- Thuế GTGT	601,636,667	509,296,461
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13,741,558	111,146,567
- Thuế Môn bài	3,000,000	3,000,000
- Thuế đất, tiền thuê đất	61,102,672	6,255,975
- Thuế TNCN	14,010,750	827,800
- Truy thu thuế GTGT	0	0
- Truy thu thuế Thu nhập doanh nghiệp	0	0

<b>E. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>		
1. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1.63	1.67
2. Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	2.01	2.20
3. Tỷ suất Lợi nhuận/Doanh thu	0.69%	0.11%
4. Tỷ suất Lợi nhuận/Tổng tài sản	1.08%	0.13%
5. Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn góp của CĐ	1.99%	0.22%
6. Lợi nhuận trên 01 cổ phiếu (đồng)	199	22

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	Không tính lao động chế biến mù cao su, SX phân NPK làm việc theo thời vụ Không tính lương CNH chế biến mù cao su, phân NPK làm việc theo thời vụ Chưa trừ phần BHXH phải nộp
1. Tổng số lao động hưởng lương	27	27	
2. Tổng quỹ lương phải chi trả	2,423,512,000	2,261,122,000	
3. Tiền lương bình quân người/tháng	7,479,975	6,978,772	
4. Thù lao của HĐQT, BKS	169,200,000	169,200,000	
- Thù lao của HĐQT	75,000,000	75,000,000	
- Thù lao của BKS	94,200,000	94,200,000	

Ngày 15 tháng 03 năm 2023

CÔNG T. GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN

NÔNG NGHIỆP

SÔNG ĐỐC

H. T. N. V. H. Đ. Đ.

V. H. Đ. Đ.